TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **187**/2026/HS-ST
Ngày: 28-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Hai
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ba
Ông Mai Xuân Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thanh - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến với điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 2 - Đà Nẵng và 01 điểm cầu thành phần là tại Phân Trại tạm giam Ngũ Hành Sơn đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 190/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1113/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy D**. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1989; tại: Tỉnh Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã N, Tỉnh Nghệ An; Nơi ở trước khi bị bắt: Nhà trọ số H đường Y, phường S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy N *(sinh năm: 1950, còn sống)* và bà Trần Thị V *(sinh năm: 1953, còn sống)*; Gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ 04. Bị cáo có vợ: Trịnh Thị N1 *(sinh năm: 1988, còn sống)* và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm: 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: không ; Bị cáo bị bắt ngày 24/6/2026 *(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Phân trại tạm giam Ngũ Hành S).*

- *Bị hại:* Ông Đặng Minh C, sinh năm 1972. Địa chỉ: H Y, phường S, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt tại điểm cầu Trung tâm Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Hữu Ú, sinh năm 1986. Địa chỉ: H Y, phường S, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt tại điểm cầu Trung tâm Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 08 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2026, ông Đặng Minh C *(sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Số H đường Y, phường S, thành phố Đà Nẵng)* đến Công an phường S, thành phố Đà Nẵng trình báo về việc bị kẻ gian đập kính xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, màu đen, biển số: 43A-754.43 đỗ trên vỉa hè trước nhà số H đường Y, phường S, thành phố Đà Nẵng và lấy trong xe 01 ví da bên trong có số tiền 25.000.000 đồng và 01 camera hành trình *(lúc mua mới là khoảng 7.000.000 đồng)*.

Tiến hành điều tra xác định được như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 23/6/2026, do trời nóng không ngủ được nên Nguyễn Duy D thức dậy, ra trước vỉa hè của phòng trọ ngồi hóng gió và đi dạo quanh khu vực gần đó. Trong lúc đi dạo, D phát hiện xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, màu đen, biển số: 43A-754.43 đang đỗ trên vỉa hè trước nhà số H đường Y, phường S, thành phố Đà Nẵng. D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong xe để kiếm tiền tiêu xài nên đã nhặt cục bê tông gần đó, đập 01 cái vào kính cửa trước, bên phụ nhưng kính không vỡ. D đi vòng ra phía sau xe, tiếp tục dùng cục bê tông đập vỡ kính chắn gió phía sau xe rồi chui vào xe, lục soát và trộm cắp 01 chiếc ví da màu nâu, bên trong có số tiền 25.000.000 đồng *(tiền mệnh giá 500.000 đồng)*. Đồng thời lúc đó, D phát hiện tại kính chắn gió phía trước có gắn 01 camera hành trình, sợ camera ghi lại hình ảnh nên D đã gỡ camera cất vào túi quần và tẩu thoát. Khi đi về, D vứt camera hành trình vào thùng rác trước nhà trọ; mang chiếc ví da và tiền giấu trên trần la phông trong nhà vệ sinh của nhà trọ rồi vào phòng nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, khi D đang đi làm thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đến mời về trụ sở làm việc, D đã khai nhận hành vi trộm cắp như trên và tự nguyện nộp lại số tiền đã trộm cắp.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã tiến hành truy tìm camera D khai bỏ vào thùng rác nhưng không tìm được *(bút lục: 39 - 58; 64 - 68; 83 - 104; 108)*.

Tài sản và vật chứng tạm giữ:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, màu đen, biển số: 43A-754.43 bị vỡ hoàn toàn kính chắn gió phía sau.

- 02 đĩa CDR, lưu trữ 02 đoạn video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Duy D đập kính xe và vào xe trộm cắp tài sản.

- 01 đĩa CD lưu trữ đoạn video ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can D ngày 15/7/2026.

- 01 bộ đồ D mặc khi thực hiện hành vi phạm tội gồm: 01 quần thun đùi màu đen có dây rút màu trắng, góc dưới phía trước của ống quần bên trái có ký hiệu số 7 được khoanh tròn và áo thun màu đen có ký hiệu (chữ N và chữ Y xếp chồng nhau) tại ngực áo bên trái.

- 01 cục bê tông KT: 15x20 cm, nặng khoảng 02 kg.

- 01 ví da màu nâu, có chữ Toyota, kích thước khoảng (10 x 20)cm.

- Số tiền 25.000.000 đồng, gồm 50 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen xám (số S: RF8XB10YCPN, số IMEI 1: 351477977625297, số IMEI 2: 354819727625290), gắn sim số 0987.283.110

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường A, thành phố Đà Nẵng, kết luận: Trị giá thiệt hại của kính chắn gió phía sau của xe ô tô biển số 43A-754.43 là 8.414.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 141/CT-VKSKV2 ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" khoản 1 Điều 178 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về TNHS:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy D đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*"

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy D từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy D từ 06 đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội nêu trên đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã trả lại cho bị hại Đặng Minh C: 01 xe ô tô biển số 43A-754.43; số tiền 25.000.000 đồng; 01 chiếc ví da màu nâu nên không đề cập đến.

+ Đề nghị HĐXX tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án:

Đối với 02 đĩa CDR, lưu trữ 02 đoạn video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Duy D đập kính xe và vào xe trộm cắp tài sản; 01 đĩa CD lưu trữ đoạn video ghi âm, ghi hình hỏi cung bị can D ngày 15/7/2026 – là dữ liệu điện tử và tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của D.

+ Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu huỷ: 01 quần thun đùi màu đen có dây rút màu trắng, góc dưới phía trước của ống quần bên trái có ký hiệu số 7 được khoanh tròn và áo thun màu đen có ký hiệu (chữ N và chữ Y xếp chồng nhau) tại ngực áo bên trái Dương mặc khi thực hiện hành vi phạm tội); 01 cục bê tông KT: 15x20 cm, nặng khoảng 02 kg;

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen xám thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

* Về dân sự:

Bị hại Đặng Minh C đã nhận lại xe, tiền, ví da bị chiếm đoạt; bị cáo D đã tác động gia đình nhờ ông Trịnh Hữu Ú (*sinh năm: 1986, Nơi cư trú: H Y, phường S, TP . – là anh vợ bị cáo*) bồi thường cho ông C số tiền 11.000.000 đồng, ông C không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của bị cáo; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập:

Tại phiên tòa Đặng Minh C và Trịnh Hữu Ú vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên xét những người này đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt; Xét những người này đã được cơ quan điều tra ghi lời khai và người bị hại đã nhận lại tài sản, việc vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại vỉa hè trước nhà số H đường Y, phường S, thành phố Đà Nẵng, do có ý định trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Duy D đã nhặt một cục bê tông đập vào kính cửa trước bên phụ của xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, màu đen, biển kiểm soát 43A-754.43 của anh Đặng Minh C nhưng kính không vỡ. Sau đó, bị cáo đi vòng ra phía sau xe, tiếp tục dùng cục bê tông đập vỡ kính chắn gió phía sau xe, chui vào trong xe và chiếm đoạt 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền này sau đó đã được bị cáo tự nguyện giao nộp và Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại.

Hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Đặng Minh C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, bị cáo đã dùng cục bê tông đập vỡ kính chắn gió phía sau xe ô tô biển kiểm soát 43A-754.43 của anh Đặng Minh C. Theo Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường A, thành phố Đà Nẵng, giá trị thiệt hại của kính chắn gió phía sau xe ô tô là 8.414.000 đồng. Như vậy, hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Duy D đã thực hiện hai hành vi phạm tội độc lập, đủ yếu tố cấu thành tội **"**Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng truy tố bị cáo về các tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tự ý chiếm đoạt tài sản của người khác và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Bị cáo đã lợi dụng thời điểm ban đêm, khi chủ sở hữu không có mặt để thực hiện hành vi đập phá kính xe, chui vào bên trong xe chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, xâm phạm đồng thời đến quyền sở hữu tài sản và gây thiệt hại về tài sản của bị hại. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 25.000.000 đã trộm cắp, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 11.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy đây là những tình tiết giảm nhẹ khác, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, bị cáo đã thực hiện hai hành vi phạm tội độc lập là "Trộm cắp tài sản" và "Cố ý làm hư hỏng tài sản"; hành vi phạm tội được thực hiện vào ban đêm, bị cáo đã dùng cục bê tông đập phá kính xe để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có công với cách mạng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Đối với tội "Trộm cắp tài sản", cần áp dụng khoản 1 Điều 173 và Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng.

Đối với tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", cần áp dụng khoản 1 Điều 178 và Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng.

Do bị cáo phạm nhiều tội nên sau khi quyết định hình phạt đối với từng tội, Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 178 Bộ luật Hình sự đều quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Xét bị cáo không có tài sản, điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và tài liệu, đồ vật trong vụ án:

Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 43A-754.43; số tiền 25.000.000 đồng và 01 chiếc ví da màu nâu là tài sản của anh Đặng Minh C, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh C. Anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 đĩa CDR lưu trữ 02 đoạn video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Duy D đập kính xe và vào xe trộm cắp tài sản; 01 đĩa CD lưu trữ đoạn video ghi âm, ghi hình việc hỏi cung bị cáo D ngày 15/7/2026, là dữ liệu điện tử và tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ án nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 quần thun đùi màu đen có dây rút màu trắng, góc dưới phía trước của ống quần bên trái có ký hiệu số 7 được khoanh tròn và 01 áo thun màu đen có ký hiệu chữ N và chữ Y xếp chồng nhau tại ngực áo bên trái là quần áo bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 cục bê tông kích thước 15 x 20 cm, nặng khoảng 02 kg là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng, không có giá trị trong việc sử dụng hợp pháp nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen xám, thu giữ của bị cáo, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy D.

Đối với 01 camera hành trình, bị cáo khai đã lấy từ xe ô tô của anh C rồi vứt vào thùng rác trước nhà trọ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được; bị hại xác định camera đã bị hỏng, không sử dụng được, không yêu cầu định giá và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Đặng Minh C đã nhận lại số tiền 25.000.000 đồng, 01 chiếc ví da màu nâu và không yêu cầu bồi thường đối với chiếc camera hành trình.

Đối với thiệt hại kính chắn gió phía sau xe ô tô, bị cáo Nguyễn Duy D đã tác động gia đình bồi thường cho anh Đặng Minh C số tiền 11.000.000 đồng thông qua ông Trịnh Hữu Ú, là anh vợ của bị cáo. Anh Đặng Minh C đã nhận số tiền trên, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét việc bồi thường là tự nguyện, bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không còn yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết thêm về trách nhiệm dân sự.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55; Điều 47 của BLHS; Căn cứ Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy D** phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*"

2. Về hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy D 09 (Chín)** tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy D 06 (Sáu)** tháng tù;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Duy D** phải chấp hành hình phạt chung là **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 24 tháng 6 năm 2026).

Về hình phạt bổ sung:

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu trong hồ sơ vụ án:

- 02 đĩa CDR lưu trữ 02 đoạn video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Duy D đập kính xe và vào xe trộm cắp tài sản; 01 đĩa CD lưu trữ đoạn video ghi âm, ghi hình việc hỏi cung bị cáo D ngày 15/7/2026.

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 cục bê tông kích thước 15 x 20 cm, nặng khoảng 02 kg.

- 01 bộ quần áo thun màu đen, gồm quần đùi thun màu đen có dây rút màu trắng, góc dưới phía trước của ống quần bên trái có ký hiệu số 7 được khoanh tròn và 01 áo thun màu đen có ký hiệu (chữ N và chữ Y xếp chồng nhau) tại ngực áo bên trái.

Trả lại cho bị cáo:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu xám đen số Seri:RF8XB10YCNPN, số IMEI1:351477977625297, số IME12:354819727625290, gắn sim số 0987283110. Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Ngũ Hành Sơn theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa Phân trại tạm giam Ngũ Hành Sơn và Cơ quan CSĐT công an thành phố Đ.)

4. Về Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên HĐXX không đề cập đến.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, những người tham gia tố tụng tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phân Trại tạm giam Ngũ Hành Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng THADS Khu vực 2- Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**